

Số: 54/2025/QĐST-HNGĐ

Đông Triều, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa:

Chị Vũ Thị Tuyết N sinh năm 1986, nơi thường trú tổ H, khu Q, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Trần Ngọc M sinh năm 1980, nơi thường trú tổ H, khu Q, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Vũ Thị Tuyết N và anh Trần Ngọc M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về con chung: chị Vũ Thị Tuyết N và anh Trần Ngọc M cùng khẳng định có hai con chung là Trần Việt Q sinh ngày 13/7/2007, Trần Việt H sinh ngày 29/8/2011 và thỏa thuận, thống nhất:

Chị Vũ Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Việt H kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Việt Q kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N hoặc anh M cùng các thành viên trong gia đình không cản trở anh M hoặc chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2/ Về tài sản chung, nợ chung: chị Vũ Thị Tuyết N và anh Trần Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3/ Về án phí

- Chị Vũ Thị Tuyết N tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003887 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại chị Vũ Thị Tuyết N số tiền 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003887 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án DS Đông Triều;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Mạo Khê (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Mạnh Cường